

BÌNH LUẬN ÁN LỆ SỐ 05/2016/AL: XÁC ĐỊNH PHẠM VI YÊU CẦU CỦA ĐƯƠNG SỰ

ThS HUỖNH QUANG THUẬN

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học luật TP. Hồ Chí Minh

Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: hqthuan@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết phân tích các vấn đề tố tụng được đề cập trong án lệ số 05/2016/AL, bao gồm việc xác định đương sự có yêu cầu, xác định phạm vi yêu cầu của đương sự về công sức và hệ quả của việc Tòa án xác định công sức của đương sự. Bài viết cũng cho biết những hoàn cảnh tương tự để có thể áp dụng án lệ này

Từ khóa: án lệ, yêu cầu, phạm vi, công sức, hệ quả pháp lý

Abstract

The article analyzes the procedural issues addressed in precedent No. 05/2016/AL, including the identification of parties with standing to make claims, the determination of the scope of a party's claim regarding their contributions, and the legal implications of the court's assessment of such contributions. The article also identifies analogous situations in which this precedent may be applied.

Keywords: precedent, claim, scope, contributions, legal consequences

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.393>

Ngày nhận bài: 17/8/2025

Ngày duyệt đăng: 19/9/2025

Nguồn án lệ: Quyết định giám đốc thẩm số 39/2014/DS-GĐT ngày 09-10-2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (...).

Vị trí nội dung án lệ: Phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- **Tình huống án lệ:** Trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế, có đương sự thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng không đồng ý việc chia thừa kế (vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế), không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế

- **Giải pháp pháp lý:** Tòa án quyết định việc chia thừa kế cho các thừa kế thì phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ: Khoản 1 Điều 5 và Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.

Từ khóa của án lệ: “Yêu cầu khởi kiện”; “Yêu cầu phản tố”; “Công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế”..

NỘI DUNG ÁN LỆ

“Cụ Hưng chết năm 1978, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì ông Trại được hưởng 1/7 kỳ phần thừa kế của cụ Hưng. Phần tài sản ông Trại được hưởng của cụ Hưng là tài sản chung của vợ chồng ông Trại, bà Tư. Bà Tư chết năm 1980, các thừa kế của bà Tư gồm ông Trại và 03 người con của ông Trại, bà Tư trong đó có chị Phụng.

Tuy chị Phụng không phải thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hưng, cụ Ngự, nhưng là cháu nội của hai cụ và có nhiều công sức quản lý, đã chi tiền sửa chữa nhà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phụng không yêu cầu xem xét công sức vì chị Phụng cho rằng

vụ án đã hết thời hiệu chia thừa kế, không đồng ý trả nhà đất cho các thừa kế. Như vậy, yêu cầu của chị Phượng đề nghị xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa xem xét công sức cho chị Phượng là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự.”

Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự là một trong các nguyên tắc cơ bản, đặc thù được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) qua các thời kỳ, từ BLTTDS năm 2004 cho đến BLTTDS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 hiện hành. Nguyên tắc này dựa trên bản chất của quan hệ pháp luật dân sự là tự do, tự nguyện cam kết và thỏa thuận, do đó, ý chí của các chủ thể luôn được tôn trọng và đảm bảo thực hiện, các chủ thể có quyền tự quyết định về quyền, lợi ích hợp pháp của mình.¹

Theo quy định tại Điều 5 BLTTDS năm 2004 (BLTTDS năm 2015 kế thừa toàn bộ quy định này của BLTTDS năm 2004), Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.² Điều này cho thấy trong tố tụng dân sự, phạm vi xét xử của Tòa án bị giới hạn bởi ý chí của các đương sự và đồng nghĩa với việc Tòa án không được xem xét và giải quyết vụ việc dân sự nếu không có yêu cầu của đương sự.³

Trên thế giới, việc Tòa án phải dựa vào yêu cầu của đương sự để xác định phạm vi xét xử là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng dân sự. Chẳng hạn, tại Pháp, nguyên Điều 4 và Điều 5 BLTTDS sửa đổi gần nhất năm 2025 quy định: “Tòa án không thể xét xử vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự”.⁴ Tại Đức, Điều 308 BLTTDS trao quyền cho đương sự trong việc quyết định các vấn đề Tòa án sẽ xem xét và Tòa án “không được phép đi chệch”.⁵ Tại Hồng Kông, một án lệ đã nêu rõ một trong những mục đích của đơn khởi kiện là “giới hạn và xác định các vấn đề sẽ được xét xử và trách nhiệm cung cấp chứng cứ chứng minh”.⁶

Việc Tòa án tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được cụ thể hóa trong rất nhiều quy định của BLTTDS năm 2004 và BLTTDS năm 2015 của Việt Nam,⁷ trong đó quan trọng nhất vẫn là các quyền của đương sự xoay quanh các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, ví dụ như việc thay đổi bổ sung yêu cầu của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm ở Điều 218 BLTTDS năm 2004 (nay là Điều 244 BLTTDS năm 2015), việc thay đổi, bổ sung kháng cáo của đương sự theo quy định tại Điều 256 BLTTDS năm 2004 (nay là Điều 284 BLTTDS năm 2015).

Tuy nhiên, vấn đề xác định khi nào là “đương sự có yêu cầu” để từ đó xác định phạm vi xét xử của Tòa án trong một số trường hợp còn chưa rõ ràng. Án lệ số 05/2016/AL đưa ra tình huống về tranh chấp di sản thừa kế, trong đó bị đơn không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế thì có mặc định xem là có yêu cầu tính công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất hay không? Án lệ số 05/2016/AL đang

1 Nguyễn Thanh Huyền, “Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự- Vương mặc và kiến nghị”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, 2022, <https://tapchitoaan.vn/nguyen-tac-quyen-quyet-dinh-va-tu-dinh-doat-cua-duong-su-vuong-mac-va-kiem-nghi/7659.html>, truy cập ngày 17/9/2025.

2 Quy định này được giữ nguyên từ khoản 1 Điều 5 BLTTDS năm 2004.

3 Hoàng Đình Dũng, “Nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, 2021, <http://lsvn.vn/nguyen-tac-quyen-tu-dinh-doat-cua-duong-su-trong-to-tung-dan-su-a35537.html>, truy cập ngày 17/9/2025.

4 Loïc Cadiet, “Introduction to french civil justice system and civil procedural law”, *Ritsumeikan Law Review*, Vol. 28, 2011, tr. 347-349.

5 Christian Gomille, “Germany – Cases for a comparative analysis of fact finding in civil proceedings (Roles of judges, lawyers and litigants / guiding principles)”, 2023, <https://byv.net/3wlp>, truy cập ngày 20/9/2025

6 Vụ án Aktieselskabet Dansk Skibsfart v Wheelock Marden & Co Ltd, xem Gary Meggitt, “The Discovery of Documents in Hong Kong – Two Recent Decisions in the Court of First Instance”, *Hong Kong Law Journal*, No. 42, 2012, tr. 330.

7 Xem thêm Lê Thị Thìn, “Quyết định và tự định đoạt của đương sự trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”, *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, số 04, 2017, tr. 73-79.

theo hướng Tòa án đương nhiên phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức.

Bài viết tập trung vào phân tích các vấn đề tố tụng phát sinh từ Án lệ số 05/2016/AL: (i) xác định việc “đương sự có yêu cầu”; (ii) xác định phạm vi yêu cầu của đương sự về công sức; và (iii) hệ quả của việc Tòa án xác định công sức.

1. Xác định việc “đương sự có yêu cầu”

Ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Trong các tranh chấp về chia thừa kế, chia tài sản chung là nhà đất hoặc đòi lại nhà đất, về mặt cơ bản ý kiến của bị đơn chỉ có thể là chấp nhận hoặc không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cùng với đó, liên quan đến công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, bị đơn có thể có yêu cầu Tòa án giải quyết, hoặc không yêu cầu Tòa án giải quyết, hoặc thậm chí không có ý kiến.

Kết hợp lại, các trường hợp có thể xảy ra về yêu cầu, ý kiến của bị đơn khi nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản là nhà đất bao gồm: (i) bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án xác định công sức; (ii) bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và xác nhận không có yêu cầu Tòa án xác định công sức; (iii) bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và không nêu ý kiến gì về xác định công sức; (iv) bị đơn chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án xác định công sức; (v) bị đơn chấp nhận yêu cầu khởi kiện và xác nhận không yêu cầu Tòa án xác định công sức; (vi) bị đơn chấp nhận yêu cầu khởi kiện và không nêu ý kiến gì về xác định công sức.

Phản đối được coi là yêu cầu. Theo Án lệ số 05/2016/AL, việc bị đơn không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với nhà đất tranh chấp được coi là một yêu cầu của bị đơn trong việc xác định phạm vi xét xử của Tòa án.

Cụ thể, trong phần Nội dung, án lệ ghi nhận: “Chị Phượng không yêu cầu xem xét công sức vì chị Phượng cho rằng vụ án đã hết thời hiệu chia thừa kế, không đồng ý trả nhà đất cho các thừa kế. Như vậy, yêu cầu của chị Phượng đề nghị xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa xem xét công sức cho chị Phượng là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự”. Như vậy, việc bị đơn chị Phượng không đồng ý với yêu cầu trả đất của các nguyên đơn được Tòa án xác định là “đề nghị xác định quyền lợi”.

Cách tiếp cận này được ghi nhận trong phần Khái quát nội dung án lệ, theo đó việc đương sự “không đồng ý việc chia thừa kế” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xác định là “yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế”.

Khoản 1 Điều 5 BLTTDS năm 2015 quy định: “Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự”. Đối chiếu với các quy định của BLTTDS năm 2015, các yêu cầu của đương sự được Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án dân sự bao gồm: yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Mặt khác, theo Điều 199 BLTTDS năm 2015, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có). Với quy định này, ý kiến của đương sự đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được phân biệt và không phải là yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập.

Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 6 BLTTDS năm 2015, đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu

cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Quy định này được cụ thể hóa tại Điều 91 BLTTDS năm 2015, và tại khoản 2 có quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Như vậy, việc đương sự phản đối yêu cầu cũng hình thành nghĩa vụ chứng minh giống như đương sự đưa ra yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Nói cách khác, việc phản đối yêu cầu có bản chất giống như một yêu cầu Tòa án “không chấp nhận yêu cầu của đương sự” được đưa ra trước đó. Đây chính là hướng mà án lệ số 05/2016/AL đã áp dụng như phân tích ở trên.

Tính thuyết phục của án lệ. Việc Án lệ số 05/2016/AL xác định phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là một yêu cầu là phương án thuyết phục. Bởi lẽ, Điều 5 BLTTDS năm 2015 như đã nêu giới hạn phạm vi xét xử của Tòa án dựa trên yêu cầu của đương sự. Việc Tòa án xem xét ý kiến phản đối của bị đơn như là một yêu cầu Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện giúp mở rộng hơn phạm vi xét xử của Tòa án, qua đó giúp vụ án được giải quyết triệt để hơn, đồng thời ràng buộc trách nhiệm của Tòa án trong việc đánh giá, xem xét các lý do phản đối yêu cầu của đương sự. Bên cạnh đó, điều này cũng phù hợp với quy định ràng buộc nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho việc phản đối yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp quy định tại Điều 91 BLTTDS năm 2015.

Về phương diện thế giới, mặc dù không có quy định rõ trong việc coi việc phản đối yêu cầu khởi kiện của bị đơn là một yêu cầu, nhưng pháp luật các quốc gia hầu hết đều quy định việc bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh cho phản đối của mình, tương tự như việc đưa ra một yêu cầu độc lập. Trách nhiệm chứng minh thuộc về cả nguyên đơn và bị đơn, và bên nào có nghĩa vụ nhiều hơn phụ thuộc vào việc yêu cầu hay lập luận được đưa ra.⁸ Tại Pháp, BLTTDS quy định bị đơn phải đưa ra các chứng cứ cần thiết để bảo vệ cho yêu cầu hoặc lập luận của mình.⁹

Giới hạn của việc xác định. Cần lưu ý rằng, việc xem xét phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là một yêu cầu chỉ được áp dụng trong việc xác định phạm vi xét xử của Tòa án theo Điều 5 BLTTDS năm 2015. Bởi lẽ, như đã phân tích, ý kiến phản đối của đương sự trong vụ án dân sự được phân biệt với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 202 BLTTDS năm 2015, thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn. Điều này nghĩa là đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập, Tòa án cũng thực hiện các thủ tục về thụ lý giống với yêu cầu khởi kiện, bao gồm đóng tạm ứng án phí hoặc xét các điều kiện thụ lý khác. Ngược lại, đối với việc phản đối yêu cầu của đương sự, thì đây được coi là ý kiến của đương sự theo Điều 199 BLTTDS năm 2015, và không cần phải thực hiện các thủ tục như đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập. Vì thế, việc xác định đúng bản chất của phản đối yêu cầu là ý kiến của đương sự giúp Tòa án xác định được các thủ tục áp dụng.

Tính hướng tương tự áp dụng án lệ. Phần khái quát nội dung và nội dung của án lệ số 05/2016/AL đưa ra tính hướng là bị đơn phản đối yêu cầu khởi kiện chia thừa kế là do bị đơn cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện nên nguyên đơn không có quyền chia thừa kế và do đó bị đơn không phải hoàn trả lại tài sản. Vậy trong những vụ án khác,

8 Martin Smith, “Civil liability and the 50%+ standard of proof”, *International Journal of Evidence & Proof*, No. 25, 2021, tr. 183–199.

9 Loïc Cadet, “Introduction to french civil justice system and civil procedural law”, *Ritsumeikan Law Review*, No. 28, 2011, tr. 331–393.

nếu lý do bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện không phải là do thời hiệu khởi kiện đã hết thì có thể áp dụng án lệ số 05/2016/AL để điều chỉnh hay không?

Có thể thấy trong phần khái quát nội dung án lệ, yếu tố chính buộc Tòa án phải xem xét công sức đóng góp khi chia thừa kế xuất phát từ việc đương sự “yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức”. Như vậy, nội dung này không đề cập lý do của việc đương sự không đồng ý chia thừa kế. Nói cách khác, cho dù lý do đương sự không đồng ý không phải là do hết thời hiệu chia thừa kế như trong án lệ, chẳng hạn như là do đương sự cho rằng nhà đất là tài sản thuộc quyền sở hữu của họ, thì vẫn thuộc trường hợp có thể áp dụng án lệ số 05/2016/AL.

Mặt khác, án lệ số 05/2016/AL đề cập việc phản đối với bị đơn đối với yêu cầu chia thừa kế được coi là một yêu cầu của đương sự để xem xét phạm vi xét xử của Tòa án. Đối chiếu với thực tiễn xét xử, việc áp dụng án lệ cho các tình huống tương tự với yêu cầu chia thừa kế trong việc phải giao trả nhà đất, chẳng hạn như chia tài sản chung, đòi lại nhà đất đứng tên họ, cho ở nhờ... để xem việc phản đối yêu cầu khởi kiện là một dạng yêu cầu trong xác định phạm vi xét xử của Tòa án là một phương án khả thi và thuyết phục (Xem thêm phân tích ở Mục 2).

2. Xác định phạm vi yêu cầu của đương sự về công sức

Chưa quy định cách thức xác định phạm vi yêu cầu của đương sự. Theo Điều 5 BLTTDS năm 2015, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự.

Theo từ điển tiếng Việt, phạm vi được hiểu là “khoảng giới hạn của một hoạt động, một vấn đề hay một cái gì”,¹⁰ và giới hạn là “phạm vi, mức độ, không thể hoặc không được phép vượt qua”. Như vậy, có thể hiểu phạm vi yêu cầu của đương sự là khoảng giới hạn nhưng mong muốn của đương sự cần được Tòa án giải quyết.

Trong BLTTDS năm 2015 có nhiều quy định liên quan đến phạm vi yêu cầu ban đầu của đương sự như: khoản 1 Điều 244 BLTTDS năm 2015 quy định: “Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu”, hay khoản 2 Điều 284: “Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, Viện kiểm sát đã kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị, nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu, nếu thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã hết”. Tuy nhiên, BLTTDS năm 2015 chưa có quy định về căn cứ để xác định phạm vi yêu cầu của đương sự, dẫn đến vấn đề phát sinh là: việc xác định phạm vi yêu cầu của đương sự phải dựa vào nguyên văn câu chữ trong yêu cầu, ý kiến của đương sự, hay Tòa án có thể suy đoán ý chí của đương sự.

Không cần có yêu cầu cụ thể của đương sự. Phần khái quát nội dung án lệ số 05/2016/AL ghi nhận việc đương sự không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế và không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tồn tạo di sản thừa kế thì Tòa án vẫn phải xem xét công sức đóng góp của họ vì “yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức”.

Như đã phân tích ở phần trên, việc đương sự phản đối yêu cầu có thể xem là một yêu cầu khi xác định phạm vi xét xử của Tòa án. Ở đây, bị đơn phản đối yêu cầu khởi kiện chia thừa kế được Tòa án xác định là có yêu cầu Tòa án không chia thừa

10 Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, 2003, tr. 764.

kế, nhưng lại không có yêu cầu cụ thể về việc xác định công sức. Như vậy, án lệ số 05/2016/AL đang theo hướng Tòa án trong trường hợp này phải suy đoán về phạm vi yêu cầu của bị đơn dựa trên yêu cầu cụ thể đưa ra là “không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế” của nguyên đơn. Nói cách khác, theo quan điểm trong phần khái quát nội dung án lệ, đối với yêu cầu xác định công sức đóng góp, đương sự không cần có yêu cầu cụ thể về vấn đề này mà Tòa án có thể suy đoán từ việc phản đối của đương sự đối với yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế.

Phải có yêu cầu cụ thể của đương sự. Trong thực tiễn xét xử, sau khi án lệ số 05/2016/AL được ban hành, vẫn có một số Tòa án theo quan điểm đương sự phải có yêu cầu cụ thể về xác định công sức đóng góp thì Tòa án mới có cơ sở xem xét vấn đề này khi giải quyết các tranh chấp liên quan đến yêu cầu chia thừa kế, chia tài sản hoặc đòi lại tài sản là nhà đất.

Chẳng hạn, trong một tranh chấp quyền sử dụng đất, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất lấn chiếm. Bị đơn ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trong suốt quá trình tố tụng ông M không có yêu cầu Tòa án xác định công sức đóng góp. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông M phải giao đất cho nguyên đơn và không xác định công sức tôn tạo của ông M. Tòa án cấp phúc thẩm khi xét xử lại nhận định: “Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M không yêu cầu công sức chi phí bồi đắp đất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết”.¹¹

Như vậy, mặc dù tình huống này bị đơn cũng phản đối yêu cầu của nguyên đơn trong việc trả lại đất và không đề cập việc xác định công sức tôn tạo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm trong trường hợp này theo quan điểm đương sự phải có yêu cầu cụ thể về xác định công sức thì Hội đồng xét xử mới có cơ sở để xem xét và giải quyết.

Tính thuyết phục của án lệ. Trong các tranh chấp về chia di sản thừa kế, chia tài sản chung hoặc đòi lại tài sản là nhà đất, việc bị đơn không đưa ra yêu cầu xác định công sức khi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không đồng nghĩa với việc bị đơn khước từ quyền lợi đối với khoản lợi ích mình xứng đáng được hưởng theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân chính dẫn đến việc bị đơn không có yêu cầu xác định công sức là vì bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, nghĩa là bị đơn không chấp nhận việc chia thừa kế, chia tài sản chung hay đòi lại nhà đất của nguyên đơn. Khi bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ theo yêu cầu của nguyên đơn thì việc xác định công sức đóng góp là không cần thiết.

Bên cạnh đó, dưới góc độ tham gia tố tụng, việc bị đơn yêu cầu Tòa án tính công sức đóng góp trước khi Tòa án ra quyết định về việc có chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không có thể xem là trường hợp “mâu thuẫn với chính mình”, vì thể hiện bị đơn không chắc chắn với lập luận để bảo vệ cho quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của mình.

Tóm lại, có thể thấy khi bị đơn phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế, chia tài sản chung hay đòi lại tài sản là nhà đất, chúng ta chưa xác định được cụ thể mong muốn của bị đơn trong việc có muốn tính công sức tôn tạo hay không.

Theo án lệ số 02/2016/AL, việc xác định công sức đóng góp là việc Tòa án phải thực hiện khi giải quyết tranh chấp về đòi lại tài sản do đứng tên hộ. Áp dụng tinh thần của án lệ số 02/2016/AL thì việc Tòa án xác định công sức đóng góp trong các vụ án

11 Bản án số 117/2022/DS-PT ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

về chia thừa kế, chia tài sản hay đòi lại tài sản là nhà đất được coi là hệ quả tất yếu của việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Từ đó, việc án lệ số 05/2016/AL theo hướng suy đoán bị đơn phản đối yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản là nhà đất đồng nghĩa với việc bị đơn vẫn mong muốn được tính công sức tôn tạo, phát triển tài sản là phương án thuyết phục, bảo vệ tốt hơn cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, và “giải quyết triệt để nội dung vụ án”.¹²

Kinh nghiệm nước ngoài. Dưới góc độ thế giới, việc Tòa án được chủ động giải quyết một số vấn đề liên quan đến vụ kiện khi đương sự không có yêu cầu cụ thể dù không quá phổ biến nhưng vẫn được ghi nhận tại một số quốc gia.

Chẳng hạn, tại Ấn Độ, án lệ kinh điển *Babburu Basavayya v. Guravayya* năm 1951¹³ cho phép Tòa án được quyền giải quyết các vấn đề về lợi nhuận có thể phát sinh trong tương lai mà không cần có yêu cầu cụ thể của đương sự. Theo Tòa án tối cao Ấn Độ, cách xử lý này giúp giải quyết toàn diện mọi khía cạnh của tranh chấp liên quan đến phân chia tài sản, đơn giản hóa thủ tục tố tụng và bảo vệ lợi ích chính đáng của tất cả các bên có liên quan.

Tinh hướng được Tòa án tối cao Ấn Độ đề cập ở trên không hoàn toàn tương tự như tinh hướng được nêu trong án lệ số 05/2016/AL, tuy nhiên về cơ bản vẫn thể hiện được quan điểm của Tòa án Ấn Độ trong việc cho phép Tòa án được xét xử mà không cần có yêu cầu cụ thể của đương sự nhằm mục tiêu giải quyết triệt để vụ án.

Tại châu Âu, trong vụ án *Lintner* về bảo vệ người tiêu dùng năm 2019, một quan điểm được đưa ra là Tòa án phải chủ động tuyên bố các điều khoản trong hợp đồng với người tiêu dùng vô hiệu nếu có căn cứ, mà không cần phải có yêu cầu của đương sự. Phán quyết này củng cố học thuyết *ex officio* của *Tòa án Liên minh châu Âu* trong việc đề cao trách nhiệm bảo đảm công lý của Tòa án khi xét xử.¹⁴

Như vậy, mặc dù cách giải quyết trong tinh hướng của án lệ số 05/2016/AL ở Việt Nam ít xuất hiện trong thực tiễn xét xử của các nước trên thế giới, nhưng sẽ góp phần bảo vệ được quyền lợi chính đáng của công dân, đặc biệt là trong trường hợp họ không đủ hiểu biết để tự bảo vệ cho quyền lợi của mình. Đồng thời, như Tòa án Ấn Độ nhận định, việc nâng cao thẩm quyền của Tòa án trong những trường hợp này giúp việc giải quyết vụ án được triệt để, tránh kéo dài thời gian và tiêu tốn nhân lực, vật lực cho việc giải quyết tranh chấp.

Giới hạn suy đoán. Trong phần khái quát nội dung án lệ số 05/2026/AL, điều kiện để Tòa án xem xét công sức đóng góp của bị đơn khi chia thừa kế là: (i) bị đơn không đồng ý việc chia thừa kế (hoặc yêu cầu Tòa án không chia thừa kế); và (ii) bị đơn không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế. Như đã phân tích ở trên, khi bị đơn không đưa ra yêu cầu xác định công sức thì việc Tòa án suy đoán theo hướng có lợi cho bị đơn là phương án phù hợp.

Tuy nhiên, nếu bị đơn thể hiện quan điểm trong việc không yêu cầu Tòa án xác định công sức đóng góp thì Tòa án có áp dụng án lệ số 05/2016/AL để vẫn tính công sức cho bị đơn hay không?

12 Phạm Hoài Ngân, “Khi nào Tòa án phải tính công sức trong vụ án dân sự?”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, 2019, https://tapchitoaan.vn/khi-nao-toa-an-phai-tinh-cong-suc-trong-vu-an-dan-su?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 19/9/2025.

13 *Babburu Basavayya And Others v. Babburu Guravayya And Another*, Madras High Court, Decided On February 02, 1951.

14 Mónica Józson, “The ‘ex officio’ doctrine of the CJEU revisited: On the active role of the courts in unfair contract terms law – Critical remarks on the lintner ruling (C-551/17) of the CJEU”, *Croatian Yearbook of European Law and Policy*, 2023, tr. 361-378.

Xét thấy, việc bị đơn thể hiện quan điểm không yêu cầu Tòa án xác định công sức đóng góp có thể bao gồm hai trường hợp: (i) bị đơn xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và cho rằng bị đơn không phải hoàn trả tài sản; (ii) bị đơn yêu cầu Tòa án không xác định công sức cho dù yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Đối với trường hợp đầu tiên, như đã phân tích ở trên, việc bị đơn thể hiện ý chí không yêu cầu Tòa án xác định công sức đóng góp xuất phát từ việc bị đơn phản đối yêu cầu khởi kiện, không phải xuất phát từ việc bị đơn từ bỏ quyền lợi của mình đối với khoản công sức đóng góp. Do đó, Tòa án trong trường hợp này cần áp dụng án lệ số 05/2016/AL để xác định công sức của bị đơn trong việc tôn tạo, phát triển tài sản như đã phân tích ở trên.

Ngược lại, đối với trường hợp thứ hai, nếu bị đơn đã bày tỏ ý chí cụ thể trong việc từ bỏ quyền lợi đối với công sức đóng góp thì Tòa án cần tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự để không xem xét vấn đề này.

Trường hợp này trong thực tiễn xét xử cũng đã được Tòa án nhân dân tối cao giải quyết tại Quyết định giám đốc thẩm số 05/2019/DS-GĐT ngày 18/3/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong vụ án này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm vì cho rằng Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét công sức tôn tạo của bị đơn khi buộc bị đơn trả lại nhà đất cho nguyên đơn là không đúng. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm đã nhận định rằng kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về nội dung này là không cần thiết, vì bị đơn trong biên bản hòa giải xác định trong trường hợp Tòa án bị đơn phải trả lại nhà và đất cho nguyên đơn thì bị đơn không có yêu cầu trả tiền công sức quản lý, giữ gìn tài sản. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (nay là Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét công sức của bị đơn là có căn cứ.¹⁵

Cách thức xử lý của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trong vụ án nêu trên là thuyết phục. Bởi lẽ, như đã phân tích, việc được tính công sức trong việc gìn giữ, tôn tạo, phát triển tài sản là quyền lợi của bị đơn khi phải hoàn trả lại nhà đất đang quản lý, sử dụng. Nói cách khác, bị đơn có thể xác lập quyền sở hữu đối với các khoản tiền tương ứng với công sức này. Theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Dân sự năm 2015, chủ sở hữu có quyền từ bỏ quyền sở hữu của mình hoặc các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, việc bị đơn từ bỏ quyền lợi của mình nếu không vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội (như nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với người thứ ba), thì không có lý do gì Tòa án phải “ép” bị đơn nhận khoản công sức đó.¹⁶

Tóm lại, án lệ số 05/2016/AL cần được áp dụng theo hướng Tòa án chỉ không xác định công sức của đương sự trong việc bảo quản, gìn giữ, tôn tạo tài sản khi chấp nhận yêu cầu chia thừa kế trong trường hợp đương sự thể hiện rõ quan điểm không yêu cầu Tòa án xác định công sức cho dù yêu cầu chia thừa kế được chấp nhận.

Tình huống tương tự về tính chi phí bảo quản. Trong tình huống của án lệ, chị Phụng là người đang trực tiếp bảo quản di sản thừa kế là nhà đất. Phần khái quát nội dung án lệ đề cập việc Tòa án phải xem xét công sức tôn tạo tài sản của đương sự khi chấp nhận yêu cầu chia thừa kế.

15 Quyết định giám đốc thẩm số 05/2019/DS-GĐT ngày 18/3/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

16 Lưu Tiến Dũng, *Án lệ Việt Nam – Phân tích và luận giải*, Tập 1, Nxb. Tư Pháp, 2023, tr. 85-87.

Trong khi đó, theo quy định tại Điều 618 và Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2015, người quản lý di sản thừa kế được thanh toán chi phí cho việc bảo quản tài sản. Về mặt cơ bản, chi phí cho việc bảo quản tài sản được xác định là số tiền thực tế người quản lý di sản đã bỏ ra để thực hiện công việc bảo quản tài sản, và cần phải được chứng minh thông qua các tài liệu, chứng cứ xác thực. Ngược lại, công sức bảo quản tài sản được hiểu là khoản tiền trả cho công lao, sức lực của người quản lý di sản trong việc bảo quản di sản thừa kế, và khó có thể chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ xác thực.¹⁷

Phản Khái quát nội dung của án lệ chỉ đề cập trách nhiệm của Tòa án trong việc xem xét “công sức đóng góp”, nhưng tại phần Nội dung án lệ có đề cập việc đã “chi tiền sửa nhà”. Khoản tiền chị Phượng chi ra để sửa nhà phải được xác định là chi phí bảo quản tài sản, chứ không thể xác định là công sức bỏ ra để bảo quản tài sản. Tuy nhiên, dưới góc độ quyền lợi của chị Phượng thì chi phí bảo quản di sản hay công sức gìn giữ, tôn tạo tài sản đều là lợi ích mà chị Phượng cần được Tòa án giải quyết khi phải hoàn trả tài sản.

Do đó, khi áp dụng án lệ số 05/2016/AL trong giải quyết tranh chấp chia thừa kế, Tòa án không những phải xem xét công sức và còn phải xem xét về chi phí bảo quản di sản thừa kế, cho dù đương sự không có yêu cầu cụ thể mà chỉ phản đối yêu cầu khởi kiện.

Tính hướng tương tự về quan hệ tranh chấp. Phản khái quát nội dung án lệ và nội dung án lệ của án lệ số 05/2016/AL đưa ra tính hướng về tranh chấp chia di sản thừa kế, trong đó bị đơn không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

Tuy nhiên, phần nội dung của án lệ cho thấy, nguồn gốc của việc Tòa án cần phải xác định công sức trong việc gìn giữ, tôn tạo tài sản là việc bị đơn chị Phượng phải hoàn trả lại nhà đất để chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ đó, đối với những tranh chấp tương tự mà đương sự phải hoàn trả lại nhà đất, ví dụ như chia tài sản chung hoặc đòi lại nhà đất để thực hiện việc bảo vệ quyền sở hữu thì việc áp dụng án lệ 05/2016/AL là hoàn toàn khả thi và phù hợp. Cụ thể, trong phần khái quát nội dung án lệ số 02/2016/AL cũng đề cập trường hợp đòi lại nhà đất đứng tên giùm thì Tòa án phải xem xét và tính công sức bảo quản, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất cho người đứng tên hộ. Án lệ số 02/2016/AL không giải quyết trực tiếp vấn đề đương sự không đưa ra yêu cầu xác định công sức thì Tòa án vẫn phải xác định công sức như án lệ số 05/2016, nhưng vẫn theo tinh thần xác định công sức là hệ quả phát sinh từ việc chấp nhận yêu cầu đòi lại nhà đất.

Một vấn đề cần nghiên cứu là khi Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, mà trong đó có tuyên về việc hoàn trả lại tài sản là nhà đất mà nhà đất đã tăng giá trị do có công sức tôn tạo, gìn giữ của bên đang trực tiếp quản lý, thì có thể áp dụng án lệ số 05/2016/AL hay không?

Án lệ số 02/2016 như trình bày ở trên dẫn quy định pháp luật liên quan đến án lệ là Điều 137 và Điều 235 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 131 và Điều 224 Bộ luật Dân sự 2015). Trong đó, Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu. Điều này cho thấy theo án lệ số 02/2016/AL, việc xác định công sức gìn giữ, tôn tạo làm gia tăng giá trị tài sản hoàn trả cũng được áp dụng cho trường hợp giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015, khi giao dịch dân sự vô hiệu thì bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Trong trường hợp

17 Tòa án nhân dân tối cao (2019), *Án lệ và Bình luận*, Quyển 1, Nxb. Tư Pháp, tr. 80-81.

này, công sức bỏ ra của bên phải hoàn trả tài sản trong việc làm gia tăng giá trị tài sản cần phải được xác định là thiệt hại đối với bên phải hoàn trả tài sản. Khi đó, việc xác định trách nhiệm bồi thường phụ thuộc vào việc ai là người có lỗi trong việc giao dịch dân sự vô hiệu. Như vậy, án lệ số 05/2016/AL không nên được áp dụng đối với việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu.

Chẳng hạn, trong một tranh chấp về hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua nhà đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng án lệ số 05/2016/AL để cho rằng “yêu cầu về tuyên bố hợp đồng nhà đất vô hiệu do giả tạo, lấy lại nhà là lớn hơn yêu cầu về đòi tiền chuyển nhượng nhà đất nên Hội đồng xét xử phải xem xét giải quyết mặc dù nguyên đơn không có yêu cầu cụ thể đối với số tiền chuyển nhượng nhà đất”. Tòa án cấp phúc thẩm khi xét xử lại nhận định đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán nhà đất và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không có tình tiết, sự kiện giống với án lệ số 05/2016/AL và việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự.¹⁸

3. Hệ quả pháp lý phát sinh khi Tòa án xác định công sức

Không phải là yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Theo án lệ số 05/2016/AL như đã phân tích ở trên, việc Tòa án xác định công sức gìn giữ, tồn tạo làm tăng giá trị tài sản của đương sự xuất phát từ việc đương sự không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

Trong khi đó, việc đương sự không đồng ý với yêu cầu khởi kiện theo Điều 199 BLTTDS năm 2015 được coi là ý kiến của đương sự đối với yêu cầu khởi kiện, không phải là yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập quy định tại Điều 200, Điều 201 BLTTDS năm 2015.

Nói cách khác, nếu áp dụng theo án lệ số 05/2016/AL, việc Tòa án xác định công sức là hệ quả phát sinh từ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, chia tài sản chung hoặc đòi lại tài sản của nguyên đơn, không phải là một vấn đề riêng như yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập.

Điều này đồng nghĩa với việc đương sự không cần phải thực hiện các thủ tục của yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập theo Điều 202 BLTTDS năm 2015, trong đó quan trọng nhất là việc đóng tạm ứng án phí, và sau đó là án phí theo quyết định của Tòa án.

Không có quyền khởi kiện riêng. Như đã phân tích ở trên, Tòa án sẽ không xác định công sức gìn giữ, tồn tạo làm tăng giá trị tài sản nếu đương sự có yêu cầu Tòa án không xác định, cho dù yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, chia tài sản chung hoặc đòi lại tài sản được Tòa án chấp nhận. Vấn đề đặt ra là: đương sự sau đó có được khởi kiện một vụ án khác để yêu cầu các khoản công sức này hay không?

Trong Quyết định giám đốc thẩm số 05/2019/DS-GĐT được phân tích, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không xem xét công sức của đương sự là có căn cứ, đồng thời cho rằng đương sự “có quyền khởi kiện vợ chồng bà L thanh toán tiền công sức nêu trên bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu”. Như vậy, theo Hội đồng thẩm phán, đương sự có thể yêu cầu giải quyết về công sức tồn tạo tài sản bằng một vụ án riêng.

Đối chiếu với nội dung của án lệ số 05/2016/AL ở trên, có thể thấy nhận định này của Hội đồng thẩm phán là chưa thuyết phục. Bởi lẽ, nếu đương sự có thể khởi kiện yêu cầu xác định công sức ở một vụ án riêng, phải thực hiện các thủ tục do pháp

18 Bản án số 537/2021/DS-PT ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

luật quy định, bao gồm cả việc đóng tạm ứng án phí. Điều này đồng nghĩa với việc yêu cầu này độc lập và có thể tách biệt ra với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – đặc điểm hình thành một yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập của đương sự. Trong khi đó, nếu áp dụng theo án lệ số 05/2016/AL, thì việc xem xét công sức gắn liền với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, chia tài sản chung, đòi lại tài sản, là hệ quả phát sinh từ việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện mà Tòa án đương nhiên phải xem xét (trừ khi đương sự thể hiện ý chí từ bỏ quyền lợi).

Do đó, để việc áp dụng án lệ số 05/2016/AL được thống nhất và phù hợp với các quy định của BLTTDS năm 2015, cần xác định rõ khi đương sự đã từ bỏ quyền lợi của mình trong việc Tòa án xem xét công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản, thì đương sự không thể khởi kiện yêu cầu này ở một vụ án khác. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Bản án số 117/2022/DS-PT ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu [trans: Judgment No. 117/2022/DS-PT dated September 19, 2022, of the People's Court of Bac Lieu Province]
- [2] Bản án số 537/2021/DS-PT ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh [trans: Judgment No. 537/2021/DS-PT dated June 17, 2021, of the People's Court of Ho Chi Minh City]
- [3] *Babburu Basavayya And Others v. Babburu Guravayya And Another*, Madras High Court, Decided On February 02, 1951
- [4] Loïc Cadet, "Introduction to french civil justice system and civil procedural law", *Ritsumeikan Law Review*, No. 28, 2011, tr. 331-393
- [5] Hoàng Đình Dũng, "Nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự", *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, 2021 [trans: Hoang Dinh Dung, "The Principle of Parties' Right to Self-Determination in Civil Proceedings", *Vietnam Lawyers' Electronic Journal*, 2021]
- [6] Lưu Tiến Dũng, *Án lệ Việt Nam - Phân tích và luận giải*, Tập 1, Nxb. Tư Pháp, 2023 [trans: Luu Tien Dung, *Vietnamese Precedent - Analysis and Commentary*, Volume 1, Judicial Publishing House, 2023]
- [7] Christian Gomille, "Germany – Cases for a comparative analysis of fact finding in civil proceedings (roles of judges, lawyers and litigants / guiding principles)", 2023
- [8] Nguyễn Thanh Huyền, "Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự- Vương mắc và kiến nghị", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, 2022 [trans: Nguyen Thanh Huyen, "The principle of the parties' right to decision-making and self - determination - obstacles and recommendations," *People's Court Electronic Journal*, 2022]
- [9] Mónika Józson, "The 'Ex Officio' doctrine of the cjeu revisited: On the active role of the courts in unfair contract terms law – Critical remarks on the lintner ruling (C-551/17) of the CJEU", *Croatian Yearbook of European Law and Policy*, 2023, tr. 361-378.
- [10] Gary Meggitt, "The discovery of documents in Hong Kong – Two recent decisions in the court of first instance", *Hong Kong Law Journal*, No. 42, 2012
- [11] Phạm Hoài Ngân, "Khi nào Tòa án phải tính công sức trong vụ án dân sự?", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, 2019 [trans: Pham Hoai Ngan, "When must the court consider parties' contributions in civil cases?", *People's Court Electronic Journal*, 2019]
- [12] Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, 2003 [trans: Hoang Phe, *Vietnamese Dictionary*, Da Nang Publishing House – Centre for Linguistics, 2003]
- [13] Quyết định giám đốc thẩm số 05/2019/DS-GĐT ngày 18/3/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao [trans: Cassation Decision No. 05/2019/DS-GDT dated March 18, 2019, of the Council of Judges of the Supreme People's Court of Vietnam]
- [14] Martin Smith, "Civil liability and the 50%+ standard of proof", *The International Journal of Evidence & Proof*, Vol. 25(3), 2021
- [15] Lê Thị Thìn, "Quyết định và tự định đoạt của đương sự trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015", *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, số 04, 2017 [trans: Le Thi Thin, "Decision-making and self-determination rights of litigants under the 2015 civil procedure code", *Law and Practice Journal*, No. 04, 2017]
- [16] Tòa án nhân dân tối cao, *Án lệ và Bình luận*, Quyển 1, Nxb. Tư Pháp, 2019 [trans: Supreme People's Court of Vietnam, *Precedent and Commentary*, Volume 1, Judicial Publishing House, 2019]